TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08- 02-2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Thiện.
2. Ông Mai Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Loan – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/01/2021 và 08/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2020 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1586/2020/QĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 20/11/1977

Hiện trú tại: Flat 4, 193 Heath Field RD, Bimingham B19 1JD, Vương Quốc Anh. Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố 9, Phường B, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Về Việt Nam từ ngày 21/01/2020 trú tại địa chỉ tạm trú: Thôn Tây Cổ H, xã H , huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lương Khắc H1, sinh ngày 04/9/1975

Hiện trú tại: Tổ dân phố 3, Phường B, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố 9, Phường B, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" ngày 07/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lương Khắc H1 yêu nhau và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh vào ngày 24/5/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 do

hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà H không có việc làm ổn định nên vợ chồng bàn bạc để bà H sang Vương Quốc Anh làm ăn nhằm cải thiện kinh tế gia đình. Trong thời gian ở nước ngoài vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại quan tâm, động viên lẫn nhau. Năm 2012 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, hai người sống hai nơi nên tình cảm phai nhạt. Từ đó đến nay vợ chồng ít liên lạc, mỗi người đều có một cuộc sống riêng, không ai nổ lực để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lương Khắc H1.

Về con chung: Bà H trình bày vợ chồng có 02 con chung: Lương Khắc P , sinh ngày 14/11/1999 và Lương Thị Bảo C, sinh ngày 16/8/2006, cháu Lương Khắc Phúc hiện nay đã đủ tuổi trường thành, sống với ai là tùy cháu quyết định còn cháu Lương Thị Bảo C hiện nay đang sống cùng với ông H1, sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, nếu bố cháu không đồng ý thì bà nhường quyền nuôi con cho bố và hàng tháng bà sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lương Khắc H1 trình bày:

Ông H1 thống nhất như trình bày của bà H về quá trình tìm hiểu và kết hôn. Năm 2008, do cuộc sống gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng bàn bạc cho bà H đi xuất khẩu lao động tại Anh để có thêm thu nhập cho gia đình. Đến tháng 6 năm 2009, ông H1 cũng sang nước Anh và đoàn tụ cùng vợ để làm ăn. Đến năm 2013 ông H1 bị trục xuất về nước, kể từ đó đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ít liên lạc với nhau. Đến năm 2016 ông H1 nghe tin bà H sinh con với người khác. Hiện tại, ông H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung: Lương Khắc P, sinh ngày 14/11/1999 và Lương Thị Bảo C, sinh ngày 16/8/2006, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung: Ngày 09/11/2020 Tòa án nhận được đơn kiện về việc ly hôn của ông H1 trình bày: Vợ chồng có tài sản chung là `nhà và đất tại Tổ dân phố 9, Phường B, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Về nợ chung: vợ chồng có một số khoản nợ chung gồm: nợ bố mẹ ông H1 số tiền 700.000.000đồng, nợ chị gái ông H1 là bà Lương Thị L : 200.000.000 đồng, nợ chú ruột là ông Lương Khắc T số tiền 30.000 USD, nợ bạn H số tiền 500.000.000đồng. Ông H1 đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung trước khi giải quyết ly hôn.

Ngày 18/11/2020, Tòa án có Công văn số 1773/TAND về việc yêu cầu ông H1 cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh tài sản chung, cung cấp các giấy vay nợ, tự định giá tài sản chung và trình bày ý kiến, nguyện vọng phân chia tài sản chung, nợ chung để Tòa án có cơ sở xác định số tiền tạm ứng án phí. Trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được Thông báo, ông H1 phải nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu nhưng ông H1 không cung cấp được chứng cứ để Tòa án xem xét.

Ngày 08/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm, tại phiên tòa ông Lương Khắc H1 đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ và có thời gian hòa giải về tài sản chung nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa. Tuy nhiên, đến nay Tòa án không nhận được tài liệu chứng cứ gì liên quan đến tài sản chung, nợ chung vợ chồng từ ông H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ của họ.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, về quan hệ hôn nhân: xử cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn ông Lương Khắc H1. Về con chung: xử giao cháu Lương Thị Bảo C cho ông Lương Khắc H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 2/2021 cho đến khi con trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự và nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H là công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài về Việt Nam ngày 21/01/2020 nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt có xác nhận của UBND phường Bắc Lý ngày 11/02/2020. Bị đơn ông Lương Khắc H1 có mặt tại phiên tòa ngày 08/01/2021 và có đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để bổ sung tài liệu chứng cứ, tại phiên tòa ngày 08/02/2021 ông H1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ. Theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc vắng mặt của đương sự trong trường hợp này, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Lương Khắc H1 và bà Nguyễn Thị Thu H là hợp pháp. Trước đó, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng cùng bàn bạc cho bà H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài để có thêm thu nhập. Tuy nhiên,

trong thời gian dài vợ chồng sống xa nhau, giữa vợ chồng đã không có sự quan tâm, chia sẽ lẫn nhau thường xuyên nên đã phát sinh mâu thuẫn. Tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình lâu ngày không được vun đắp nên có nhiều rạn nứt. Hiện tại hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không ai có mong muốn hàn gắn lại hạnh phúc gia đình.

Xét tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, thực tế vợ chồng đã không còn sống chung cùng nhau. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích hôn nhân cũng không thể đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H, xử cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn ông Lương Khắc H1 là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung: Lương Khắc P , sinh ngày 14/11/1999 và Lương Thị Bảo C, sinh ngày 16/8/2006, cháu Lương Khắc P hiện nay đã đủ tuổi trường thành nên không xem xét. Đối với cháu Lương Thị Bảo C, sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng nuôi cháu, nếu bố cháu không đồng ý thì bà nhường quyền nuôi con cho bố và hàng tháng bà sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét nguyện vọng của bà H thấy rằng, từ khi bà H đi làm ăn ở nước ngoài đến nay các con sinh sống với ông H1 ổn định, phát triển bình thường, bà H hiện nay đang cư trú ở nước ngoài nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con bằng ông H1, cháu Lương Thị Bảo C có đơn trình bày ý kiến xin được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn, ông H1 có ý kiến đề nghị xét xử theo ý nguyện của con. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận nguyện vọng của ông H1, bà H và cháu Lương Thị Bảo C để giao cháu Lương Thị Bảo C cho ông H1 trực tiếp chăm sóc nuôi và buộc bà H cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung:

Qúa trình giải quyết vụ án ông Lương Khắc H1 trình bày vợ chồng có tài sản chung nhà và đất tại Tổ dân phố 9, Phường B, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Về nợ chung: Vợ chồng có một số khoản nợ chung gồm: Nợ bố mẹ ông H1 số tiền 700.000.000đồng, nợ chị gái ông H1 là bà Lương Thị L : 200.000.000 đồng, nợ chú ruột là ông Lương Khắc T số tiền 30.000 USD, nợ bạn H số tiền 500.000.000đồng. Ông H1 đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung trước khi giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, ông Lương Khắc H1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh tài sản chung, không cung cấp các giấy vay nợ. Tại đơn khởi kiện, bà H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này, các bên có quyền khởi kiện vụ án khác về phân chia tài sản chung, nợ chung.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 273, 474, 475, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn ông Lương Khắc H1.

2.Về con chung: Giao cháu Lương Thị Bảo C, sinh ngày 16/8/2006 cho ông Lương Khắc H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi cháu Lương Thị Bảo C tròn 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung . Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên , các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét.

4.Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0006848 ngày 10/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Án xử sơ thẩm công khai, ông Lương Khắc H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bà Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Võ Bá Lưu

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB (P9);
- Các đương sự;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Lưu án văn, Hồ sơ vụ án.